

Số: /BC-SNV

Quảng Trị, ngày tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Kiểm tra nội bộ công tác cải cách hành chính năm 2025**

Thực hiện Kế hoạch số 540/KH-SNV ngày 30/7/2025 của Sở Nội vụ về cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2025; Kế hoạch số 2362/KH-SNV ngày 06/10/2025 kiểm tra công tác Cải cách hành chính tại các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở Nội vụ năm 2025; Sở Nội vụ đã thực hiện kiểm tra công tác Cải cách hành chính (CCHC) tại các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở<sup>1</sup>, cụ thể:

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

a) Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, đôn đốc về cải cách hành chính

Công tác CCHC được xác định là một trong những công tác trọng tâm của Sở. Vì vậy, để công tác CCHC thực hiện có hiệu quả, Sở đã chỉ đạo, xây dựng, ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện công tác CCHC. Việc xây dựng kế hoạch CCHC của cơ quan gắn với các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số... Một số kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành đã được Sở ban hành trong năm 2025, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 540/KH-SNV ngày 30/7/2025 của Sở Nội vụ thực hiện cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Nội vụ;

- Kế hoạch số 1886/KH-SNV ngày 22/09/2025 triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Kế hoạch số 2169/KH-SNV ngày 03/10/2025 thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 2362/KH-SNV ngày 09/10/2025 Kiểm tra công tác Cải cách hành chính tại các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở Nội vụ năm 2025;

- Kế hoạch số 1633/KH-SNV ngày 10/09/2025 thực hiện công tác dân vận

<sup>1</sup> Văn phòng Sở; Phòng Lao động - Việc làm; Ban Thi đua – Khen thưởng; Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị; Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị.

năm 2025 của Sở Nội vụ;

- Kế hoạch số 3808/KH-SNV ngày 08/12/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 682/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương;

Kế hoạch số 3968/KH-SNV ngày 15/12/2025 về nâng cao xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Trị năm 2025;

- Các văn bản về giao nhiệm vụ, đôn đốc việc rà soát, công bố thủ tục hành chính, xây dựng dịch vụ công trực tuyến.

b) Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Việc tuyên truyền về CCHC chủ yếu thực hiện qua hình thức ban hành văn bản gửi trên Hệ thống Quản lý văn bản của tỉnh, chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng đến người dân.

Bên cạnh đó, việc tuyên truyền cũng được thực hiện trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (địa chỉ: <http://www.quangtri.gov.vn>) và Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ (địa chỉ: <http://www.snv.quangtri.gov.vn>).

## **2. Cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật**

a) Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh; Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị đã triển khai xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Nội vụ. Trong năm 2025, Sở đã đề xuất, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua **04** Nghị quyết quy phạm pháp luật và tham mưu UBND tỉnh ban hành **03** Quyết định quy phạm pháp luật, cụ thể<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của HĐND tỉnh quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị (mới) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

Sở Nội vụ đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành, đề xuất phương án áp dụng và lộ trình xử lý nhằm đảm bảo hệ thống pháp luật đồng bộ, đầy đủ sau khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp. Trên cơ sở kết quả rà soát, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ toàn bộ đối với 11 Nghị quyết và bãi bỏ 01 phần 01 Nghị quyết; trình UBND tỉnh bãi bỏ 66 Quyết định quy phạm pháp luật<sup>3</sup>.

- Tham mưu tiếp tục áp dụng các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh do tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị cũ ban hành để áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị mới<sup>4</sup>.

b) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; thực hiện chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Hàng tháng Sở đã ban hành và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên Trang thông tin điện tử của Sở và các phương tiện thông tin truyền thông khác nhằm giúp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân hiểu biết về pháp luật, góp phần giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật, đảm bảo giữ vững trật tự và an toàn xã hội.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính**

a) Tình hình công bố, công khai thủ tục hành chính, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

Sở đã triển khai thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính như: rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiện toàn Danh sách cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện báo cáo kiểm soát thủ tục hành

---

- Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) bãi bỏ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tỉnh Quảng Bình.

- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quảng Trị Nghị quyết QPPL về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị dự kiến xem xét thông qua vào kỳ họp thường lệ cuối năm 2025.

<sup>3</sup> Công văn số 1042/SNV-VP ngày 15/8/2025 về rà soát, đánh giá việc thực hiện, đề xuất phương án hoàn thiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 1108/SNV-NCC ngày 18/08/2025 về việc rà soát các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình và HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành; Công văn số 1195/SNV-VP ngày 20/08/2025 về việc rà soát xác định các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong các văn bản QPPL do địa phương ban hành; Công văn số 1191/SNV-VP ngày 20/08/2025 về việc báo cáo nhu cầu thực hiện Nghị định số 178/NĐ-CP, Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị.

<sup>4</sup> Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh mới; Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh quyết định việc áp dụng trên địa bàn tỉnh mới.

chính trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; rà soát, hoàn thiện quy trình điện tử giải quyết TTHC/Dịch vụ công (DVC) trực tuyến; triển khai các giải pháp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc và địa giới hành chính...

Công bố thủ tục hành chính: thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, các phòng, ban, trung tâm đã phối hợp với Văn phòng tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền: 144/144 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở, trong đó:

- Ban Thi đua – Khen thưởng: 16 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước (cấp tỉnh: 09; cấp xã: 07).

- Phòng Lao động - Việc làm: lĩnh vực Việc làm (17 thủ tục); Lao động, tiền lương (11 thủ tục); Quản lý lao động nước ngoài (12 thủ tục); An toàn lao động (10 thủ tục).

- Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: 09 thủ tục.

- Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị: 01 thủ tục.

Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính: tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với 139/139 thủ tục hành chính, trong đó có 83 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 56 dịch vụ công trực tuyến một phần. 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó:

- Ban Thi đua – Khen thưởng: toàn bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Thi đua – khen thưởng là thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước, không thực hiện trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Phòng Lao động - Việc làm: 40 dịch vụ công trực tuyến (31 DVC trực tuyến toàn trình, 09 DVC trực tuyến một phần)

- Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: 07 thủ tục được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên phần mềm của Bộ Nội vụ; 02 thủ tục đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị: không cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính:

Trong năm 2025, Trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh, Sở đã tiếp nhận 661 hồ sơ; đã giải quyết 634 hồ sơ (trước hạn: 613 hồ sơ, tỷ lệ 96,7%; quá hạn 21 hồ sơ, tỷ lệ 3,3%); 27 hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn quy định), trong đó:

- Ban Thi đua – Khen thưởng: được thành lập từ 1/7/2025, không thực hiện

giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm.

- Phòng Lao động - Việc làm: tiếp nhận 252 hồ sơ; đã giải quyết 237 hồ sơ (trước hạn 232/237 hồ sơ, tỷ lệ 97,9%; quá hạn 5/237 hồ sơ, tỷ lệ 2,1%).

- Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: tiếp nhận 3.505 hồ sơ; đã giải quyết: 3.368 (đúng hạn: 3.368; trễ hạn: 0) (*tiếp nhận tại Trung tâm, không qua Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh nên tính tỷ lệ riêng*).

- Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị: Từ 01/7/2025 đến 10/12/2025, tiếp nhận và giải quyết 143/143 hồ sơ đúng hạn (*tiếp nhận tại Trung tâm, không qua Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh nên tính tỷ lệ riêng*).

c) Tình hình thực hiện quy trình đánh giá tác động của các quy định về thủ tục hành chính trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Sở Nội vụ không được giao thực hiện nhiệm vụ này.

d) Tình hình triển khai thực hiện chương trình, nội dung rà soát thủ tục hành chính:

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng Sở đã phối hợp các phòng, ban, trung tâm rà soát thủ tục hành chính theo các nội dung: các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (căn cước công dân; sổ bảo hiểm xã hội; giấy khai sinh; giấy khai tử; phiếu lý lịch tư pháp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân...)

đ) Về kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo đúng quy định; gắn việc số hoá với việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng thực thi công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện, đúng thời gian quy định. Trong năm 2025, tỷ lệ số hóa đầu vào đạt 99,69% (637/639 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 93,11% (595/639 hồ sơ); 100% hồ sơ đã thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

- Phòng Lao động – Việc làm: tỷ lệ số hóa đầu vào: 99,2% (251/253 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: 90,5% (229/253 hồ sơ); Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 100% (253/253 hồ sơ).

- Ban Thi đua – Khen thưởng, Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: không thực hiện giải quyết thủ tục hành

chính trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

e) Về kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính:

Sở đã thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo đúng quy định. Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận và giải quyết đúng hạn: 1 phản ánh.

#### **4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình (cũ) và Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị (cũ) theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

Ngày 16/9/2025, Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 3093/QĐ-SNV quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Phòng chuyên môn thuộc Sở. Số lượng lãnh đạo các phòng chuyên môn thực hiện đúng theo quy định của tỉnh.

Sau khi sắp xếp các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, Sở Nội vụ đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến nay đã có 03 tổ chức, đơn vị được UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức<sup>5</sup>, còn 04 đơn vị đang trong giai đoạn sắp xếp, tổ chức lại.

Việc quản lý, sử dụng biên chế được thực hiện đúng quy định. Trên cơ sở số chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao, Sở Nội vụ đã rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng công chức, viên chức và người lao động; sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập các phòng, đơn vị và chức năng, nhiệm vụ để bố trí biên chế làm việc phù hợp trong các phòng, đơn vị thuộc Sở.<sup>6</sup>

#### **5. Cải cách chế độ công vụ**

a) Việc giải quyết chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động:

<sup>5</sup> Ban Thi đua - Khen thưởng (Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 13/11/2025); Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị (Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 03/10/2025) và Trung tâm Dịch vụ việc làm Nam Quảng Trị (QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 03/10/2025).

<sup>6</sup> Văn phòng Sở: Gồm Chánh Văn phòng, 03 Phó Chánh Văn phòng và chuyên viên, hợp đồng lao động. Phòng Lao động - Việc làm: Trưởng phòng, 03 Phó trưởng phòng. Ban Thi đua – Khen thưởng: 02 phòng. Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: 04 phòng. Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị: 02 phòng.

Sau hợp nhất từ 01/7/2025, để sắp xếp, kiện toàn, đưa bộ máy đi vào hoạt động đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Sở Nội vụ đã ký quyết định bổ nhiệm các Trưởng, Phó phòng chuyên môn và Phó Giám đốc các Trung tâm thuộc Sở; quyết định tiếp nhận và bố trí làm việc đối với các công chức; ký hợp đồng lao động đối với các hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Sở Nội vụ cũng đã tham mưu UBND ký quyết định bổ nhiệm Giám đốc các Trung tâm thuộc Sở.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức được quan tâm, tạo điều kiện, việc tuyển chọn, bố trí cán bộ cho đi đào tạo, bồi dưỡng được căn cứ vào vị trí công việc, tiêu chuẩn ngạch công chức, nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan; gắn với quy hoạch, sử dụng cán bộ của sở: đào tạo trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; tham gia tập huấn sử dụng các phần mềm, hệ thống dùng chung của tỉnh...

b) Công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, kí kết hợp đồng lao động:

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc đang tiến hành rà soát, điều chỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định<sup>7</sup>.

Thực hiện công tác tác bổ nhiệm, điều động, kí kết hợp đồng lao động:

+ Ban Thi đua – Khen thưởng: thực hiện việc kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý Phòng Nghiệp vụ và Phòng Hành chính - Tổng hợp. Năm 2025, trình Sở Nội vụ ban hành quyết định nâng lương thường xuyên cho 01 lãnh đạo Ban; ban hành quyết định nâng lương thường xuyên (02 cá nhân);

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị: từ tháng 3 đến nay đã tiếp nhận và bổ nhiệm lại 04 Trưởng phòng, 05 Phó Trưởng phòng; ký lại hợp đồng làm việc đối với 31 viên chức; hợp đồng lao động theo Nghị định 111 đối với 02 vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ;

+ Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị: bổ nhiệm 02 Trưởng phòng thuộc Trung tâm; ký hợp đồng làm việc đối với 13 viên chức; hợp đồng lao động theo Nghị định 111 đối với 03 vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ.

c) Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ viên chức, người lao động:

Hồ sơ công chức, viên chức, người lao động được lưu trữ, sử dụng, quản lý

<sup>7</sup> Văn phòng Sở (đã trình thẩm định); Ban Thi đua – Khen thưởng (đã trình thẩm định tại Tờ trình số: 182/TTr-BTĐKT ngày 24/11/2025); Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị, Trung tâm TLLS Nam Quảng trị tiếp tục áp dụng Đề án Vị trí việc làm đã được phê duyệt năm 2024 (Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 14/6/2024)

theo chế độ tài liệu mật theo quy định của Bộ Nội vụ<sup>8</sup>.

## **6. Cải cách tài chính công**

Sở Nội vụ hiện có Ban 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở. Các đơn vị đều có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nội vụ về thực hiện các nhiệm vụ cơ bản là quản lý lưu trữ lịch sử, hoạt động dịch vụ lưu trữ; tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động cho người sử dụng lao động và thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, thực hiện chính sách BHTN và đào tạo giáo dục nghề nghiệp...; tổ chức về hoạt động điều dưỡng cho người có công với cách mạng và quản lý nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

Hầu hết các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ đều chú trọng các giải pháp để tiết kiệm chi thường xuyên, từng bước phân bổ các quỹ thu nhập, khen thưởng, phúc lợi, đồng thời tích lũy quỹ dự phòng cải cách tiền lương, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tăng cường cơ sở vật chất. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công.

Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công tại Sở Nội vụ: Kế hoạch được giao: 59.954 triệu đồng; đã thực hiện: 43.870 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 73,1%.

Mức độ tự chủ của các đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị (14%); Trung tâm Dịch vụ việc làm Nam Quảng Trị (0%). Ban Thi đua – Khen thưởng là đơn vị hành chính, không thực hiện cơ chế tự chủ.

## **7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

Triển khai ứng dụng có hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường; Hệ thống thư điện tử công vụ...

Ứng dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phục vụ công tác quản lý: Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Quản lý Thi đua, khen thưởng; Phần mềm số hóa, tra cứu hồ sơ người có công; Phần mềm tra cứu thông tin liệt sĩ... Sử dụng các nền tảng phần mềm do Bộ Nội vụ cung cấp, để tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh: Lao động – việc làm; Người có công; Tổ chức – bộ máy; Hội, quỹ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức...

Triển khai, ứng dụng hiệu quả chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho Lãnh đạo, kế toán, văn thư; công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa,

<sup>8</sup> Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012; Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019; Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

tham gia giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng ký số bằng SIM điện thoại đối với 7/7 Lãnh đạo Sở.

Thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tại Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị do đồng chí Giám đốc Sở làm Trưởng ban và thành viên là các đồng chí Phó Giám đốc Sở và trưởng các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở (Quyết định số 1218/QĐ-SNV ngày 01/8/2025). Ban hành Kế hoạch số 2169/KH-SNV thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn còn tồn tại những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến công tác cải cách hành chính của các đơn vị nói riêng và của Sở Nội vụ nói chung:

1. Tại các Trung tâm thuộc Sở nói chung và các Trung tâm được kiểm tra nói riêng (Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị), việc chưa ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do đang trong giai đoạn sắp xếp, tổ chức lại dẫn đến việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ tại Trung tâm còn gặp nhiều khó khăn; chưa ban hành được Quy chế làm việc.

2. Một bộ phận công chức, viên chức chưa thật sự chủ động trong đề xuất sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính, hoặc giải pháp mang tính hình thức, lý thuyết không áp dụng được trong thực tế; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa đồng đều. Một số đơn vị chưa bố trí được nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Ban Thi đua - Khen thưởng, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị, Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị).

3. Việc tuyên truyền cải cách chủ yếu thực hiện qua hình thức nội bộ, chưa đa dạng, chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng đến người dân; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ số hóa tài liệu lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa đồng bộ; Một bộ phận viên chức chưa thật sự chủ động trong đề xuất sáng kiến, giải pháp CCHC, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa đồng đều.

4. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động CCHC, tuyên truyền và ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện các nội dung CCHC.

5. Trong quá trình hợp nhất Sở, hầu hết thủ tục hành chính đã được Bộ Nội vụ công bố mới, điều chỉnh bổ sung nên có sự gián đoạn trong việc nộp, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Các phần mềm, cơ sở dữ liệu từ triển khai trước 01/7/2025 không còn phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp, cần được nâng cấp, đồng bộ, hợp nhất dữ liệu toàn tỉnh, nhu cầu kinh phí lớn,

triển khai trong thời gian ngắn, do đó nhiều phần mềm chưa kịp thời nâng cấp, hiệu quả khai thác các cơ sở dữ liệu bị hạn chế.

6. Một số lĩnh vực thuộc Phòng Lao động - Việc làm còn tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn (5 hồ sơ).

### **III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

1. Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ CCHC; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, tuyên truyền, kiểm tra về CCHC. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp; khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp tăng cường sử dụng cũng như nắm bắt các tiện ích của dịch vụ công trực tuyến.

2. Bám sát kế hoạch cải cách hành chính của Sở và các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh để hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra từ đầu năm đến nay.

3. Bố trí cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét. Văn phòng Sở thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn; trường hợp gia hạn (do khách quan) cần thực hiện công tác gia hạn, xin lỗi người dân theo quy định đối với các trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý. Thực hiện việc số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo các chỉ tiêu được Chính phủ, UBND tỉnh giao.

4. Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng tiến độ được giao.

5. Quan tâm bổ sung nguồn kinh phí hàng năm cho công tác CCHC, chuyển đổi số và số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử, vì đây là lĩnh vực cần đầu tư dài hạn, công nghệ cao. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ công tác cải cách hành chính năm 2025 tại các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Mai Xuân Toàn**

**Phụ lục**

**Tổng hợp thông tin, số liệu công tác CCHC năm 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày / 12/ 2025 của Sở Nội vụ)

**Biểu mẫu 1**  
**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> đã ban hành</b>	Văn bản	07	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	130	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	98,8%	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	83	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	82	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	130	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	98,8%	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	83	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	82	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.

**Biểu mẫu 2**  
**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	144	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	112	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	139	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,3	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>634</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>617</i>	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>1</i>	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>1</i>	

*Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Trị và Trung tâm Lưu trữ lịch sử Nam Quảng Trị tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm, không thực hiện trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh nên tính tỷ lệ riêng (không thống kê trong bảng này).*

*- Trung tâm DVVL Quảng Trị: tiếp nhận 3505 hồ sơ; giải quyết đúng hạn 3368 hồ sơ (đạt tỷ lệ 96,1%); không có hồ sơ quá hạn.*

*- Trung tâm LTLS Nam Quảng Trị: giải quyết đúng hạn 143/143 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.*

## Biểu mẫu 3

**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ phòng, đơn vị đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trực thuộc Sở	Cơ quan, đơn vị	6	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	121	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	84	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	8	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	109	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	99	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

**Biểu mẫu 4**  
**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	06	06 Trung tâm thuộc Sở đã được phê duyệt trước thời điểm sáp nhập
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

**Biểu mẫu 5**  
**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	59.954	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	43.870	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	6	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	Trung tâm DVVL Nam QT (100%)
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	2	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	2	- Trung tâm Lưu trữ lịch sử Quảng Trị (21%). - Trung tâm DVVL Quảng Trị (14%).
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	3	- TT LTLS Nam QT. - TT Điều dưỡng LPNCC QT. - TT Điều dưỡng NCC và QLNTLS QT.
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	



**Biểu mẫu 6**  
**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử	%		
3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	<b>100</b>	
	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>DVC</i>	83	
	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>DVC</i>	83	
4.1	<i>Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)</i>	%	<b>90,3</b>	
	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>DVC</i>	31	
	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>DVC</i>	28	
4.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</i>	%	<b>77,4</b>	
	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	296	
	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Hồ sơ</i>	229	
4.3.	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần</i>	%	<b>95,1</b>	
	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	366	
	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	348	
4.4	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	%	<b>100</b>	
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	02	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	02	